

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
của Thanh tra tỉnh Quảng Nam

CHÁNH THANH TRA TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn Ngân sách Nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Thanh tra tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Thanh tra tỉnh Quảng Nam (theo biểu mẫu số 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và các Phòng Nghiệp vụ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo TTT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

CHÁNH THANH TRA

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTT ngày /01/2025 của Thanh tra tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, khác		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
4	Thu khác		
a	Dự toán thu khác:		
b	Nộp ngân sách nhà nước		
c	Dự toán chi từ nguồn thu khác được để lại		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.827	
1	Chi quản lý hành chính	12.791	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.867	
a	Cấp từ đầu năm	10.867	
b	Cấp bổ sung trong năm		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.924	
a	Cấp từ đầu năm	1.924	
b	Cấp bổ sung trong năm		
1.3	Dự toán chưa phân bổ		
2	Chi hoạt động sự nghiệp đào tạo	-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
a	KP năm trước chuyển sang		
b	Cấp từ đầu năm		
c	Cấp bổ sung trong năm		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	
	Cấp từ đầu năm	-	
3	Chi hoạt động quốc phòng	36	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	36	
4	Chi hoạt động văn hóa	-	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
a	KP năm trước chuyển sang		
b	Cấp từ đầu năm		
c	Cấp bổ sung trong năm		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

